



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-VPCNCLQG ngày tháng năm 2025
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ Organisation

Tiếng Việt/ in Vietnamese: CÔNG TY TNHH PQI VIỆT NAM

Tiếng Anh/ in English: PQI VIETNAM COMPANY LIMITED

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 080 – EMS

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation

Địa chỉ đăng ký kinh doanh/ Registered business address:

Số 12, ngõ 84/33 Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
No.12, Lane 84/33 Ngoc Khanh Street, Giang Vo Ward, Hanoi City, Vietnam

Trụ sở chính/ Head Office:

P203G2, Số 3 phố Thành Công, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
P203G2, No. 3 Thanh Cong Street, Giang Vo Ward, Hanoi City, Vietnam

Tel: +84 24 6283 3330

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Standards

- ISO/IEC 17021-1: 2015;
- ISO/IEC 17021-2: 2016

HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation period

Từ/ from / /2025 đến/ to 24/10/2030



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ *Scope of Accreditation*

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001: 2015 cho các lĩnh vực như sau/ *Certification of quality management system according to ISO 14001: 2015 for the scopes as follows:*

Nhóm ngành <i>Technical cluster</i>	Mã IAF <i>IAF code</i>	Ngành kinh tế <i>Economic sector</i>	Phạm vi cụ thể theo mã NACE (rev.2) <i>Detailed scopes according to NACE code (rev.2)</i>
Cơ khí <i>Mechanical</i>	17	Giới hạn đối với “Sản phẩm được chế tạo từ kim loại” <i>Limited to “Fabricated metal products”</i>	24 trừ 24.46, 25 trừ/ except 25.4, 33.11, 33.11
	18	Máy móc, thiết bị <i>Machinery and equipment</i>	25.4, 28, 30.4, 33.12, 33.2
	19	Thiết bị điện, quang <i>Electrical and optical equipment</i>	26, 27, 33.13, 33.14, 95.1
	22	Phương tiện vận tải khác <i>Other transport equipment</i>	29, 30.2, 30.9, 33.17
Giấy <i>Paper</i>	7	Giới hạn đối với “Các sản phẩm giấy” <i>Limited to “Paper products”</i>	17.2
	9	Công ty in <i>Printing companies</i>	18
Dịch vụ <i>Services</i>	29	Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy, đồ gia dụng <i>Wholesale and retail trade; Repair of motor vehicles, motorcycles and personal and household goods</i>	45, 46, 47, 95.2
	32	Môi giới tài chính; bất động sản; cho thuê <i>Financial intermediation; real estate; renting</i>	64, 65, 66, 68, 77
	33	Công nghệ thông tin <i>Information technology</i>	58.2, 62, 63.1
	35	Dịch vụ khác <i>Other services</i>	69, 70, 73, 74.2, 74.3, 78, 80, 81, 82
	36	Hành chính công <i>Public administration</i>	84
	37	Giáo dục <i>Education</i>	85



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

Ghi chú/Note: CÔNG TY TNHH PQI VIỆT NAM phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *PQI VIETNAM COMPANY LIMITED must register its operations and obtain the registration certificate according to the law before providing certification services.*